

Lưu ý: Đây chỉ là bản sơ thảo, chưa hoàn chỉnh, chỉ dùng để thảo luận tại Hội Thảo Hè 2009. Xin đừng trích dẫn hoặc đăng lại nơi khác

Việt Nam 2008: Mười bài toán lớn

Giáp Văn Dương

Tóm tắt

Bài này có mục đích nhận dạng mười bài toán lớn lộ diện qua ô cửa 2008 mà Việt Nam cần chú trọng giải quyết trong những năm tới - cả trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn - đó là: 1. *Khủng hoảng kinh tế*; 2. *Điều hành của chính phủ*; 3. *Cải cách hành chính*; 4. *Chống tham nhũng*; 5. *Qui hoạch đô thị*; 6. *Khai thác tài nguyên*; 7. *Ô nhiễm môi trường*; 8. *Thiếu hụt năng lượng*; 9. *Cải cách giáo dục*; 10. *Tranh chấp Biển Đông*.

Tác động của những bài toán này đến đời sống kinh tế, xã hội sẽ được phân tích sơ bộ. Phản ứng của xã hội trước cách giải quyết của chính phủ, ví dụ trong việc khai thác tài nguyên, ô nhiễm môi trường và hệ quả của nó, như sự hình thành các luồng thông tin dân sự trên mạng internet và phản biện xã hội có hệ thống trong dự án khai thác bauxite Tây Nguyên, cũng sẽ được thảo luận.

Mối liên hệ và tác động qua lại giữa những bài toán này với nhau sẽ được xem xét. Ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài lên bản thân các bài toán này cũng như cách chính phủ xử lý chúng, ví dụ khủng hoảng kinh tế, chống tham nhũng, tranh chấp Biển Đông cũng sẽ được đề cập. Qua đó, mối quan hệ sâu xa giữa chúng, đặt trong tương quan so sánh với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp và bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng lớn, sẽ được làm rõ.

Những phân tích này sẽ được sử dụng làm tiền đề cho việc xác định lại những ưu tiên chiến lược, cả trong đối nội lẫn đối ngoại của chính phủ Việt Nam trong thời gian tới, nhất là trong việc ứng xử với Trung Quốc và các nước ASEAN trong việc tìm lời giải cho vấn đề tranh chấp Biển Đông và khôi phục niềm tin với xã hội.

I. Giới thiệu chung

Năm 2008 là năm thứ hai Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Những tưởng kinh tế Việt Nam sẽ cất cánh sau thành tích tăng trưởng GDP ngoạn mục năm 2007, đến mức nhiều người đã nói đến cơ hội vàng cho Việt Nam vươn ra biển lớn. Nội các của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng đầy hăng hái tự tin triển khai hàng loạt kế hoạch và chiến lược đầy tham vọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, giáo dục, văn hóa, ngoại giao, v.v. Tuy nhiên, những biến động của thời cuộc, mà điển hình là cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ, đã làm giấc mơ bay cao năm 2008 của Việt Nam tan thành mây khói. Không những thế, nó còn vạch rõ những yếu kém trong điều hành của nội các mới, mà điển hình là việc bị động và lúng túng trong việc xử lý lạm phát phi mã, xé nhỏ dự án khai thác bô-xite Tây Nguyên để tránh phạm luật. Những điều này lại cộng hưởng với những yếu kém tồn đọng nhiều năm trước, như sự trì trệ của bộ máy hành chính, thiếu hụt về năng lượng, ô nhiễm môi trường v.v, làm cho nền kinh tế Việt Nam năm 2008 như một cơ thể đã suy yếu lại càng suy yếu hơn. Những bài toán lớn mà Việt Nam cần giải quyết, cả cũ và mới xuất hiện, vì thế không bị khóa lấp bởi thành tích kinh tế của những năm trước đó, mà lộ rõ hơn qua ô cửa 2008. Việc xác định và phân tích những bài toán này, dù chỉ ở mức sơ bộ trong khuôn khổ một bài viết, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định lại ưu tiên của chính phủ trong thời gian tới, với mục đích khắc phục được những nút thắt cổ chai của phát triển, và khôi phục lại niềm tin của xã hội.

II. Mười bài toán lớn

1. Khủng hoảng kinh tế

Khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam năm 2008 thể hiện ban đầu ở sự mất cân bằng trạng thái kinh tế vĩ mô một cách nghiêm trọng: lạm phát lên đến 26,8% trong tháng 6/2008, chỉ số chứng khoán sụt giảm 50% và cán cân thanh toán thương mại thiếu hụt 14,8 tỉ đô-la trong sáu tháng đầu năm [1]. Điều này dẫn đến tăng trưởng GDP giảm từ mức 8,5-9% theo kế hoạch xuống mức 6,2% năm 2008, mức thấp nhất kể từ năm 1999. Không chỉ thế, số người thất nghiệp cũng tăng vọt [2]. Đời sống khó khăn, lạm phát phi mã, thất nghiệp phổ biến đã dẫn đến số lượng các vụ bãi công tăng trong cả nước, đến mức chính phủ phải dùng biện pháp hành chính để ngăn chặn: “đình công bất hợp pháp phải bồi thường” [3].

Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, đặc biệt là khủng hoảng tài chính ở Mỹ đầu năm 2008, việc gia nhập WTO của Việt Nam hơn một năm trước đó không những không mang lại mức phát triển cao như kì vọng, mà còn tác động xấu đến tình trạng kinh tế Việt Nam. Giá nhiên liệu, lương thực thực phẩm tăng đã tạo thêm rất nhiều khó khăn và áp lực cho cả người dân và doanh nghiệp. Viễn cảnh kinh tế đen tối đã bắt đầu hiện rõ từ cuối Quý I năm 2008. Các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, gặp nhiều khó khăn do giá thành sản xuất tăng và các thị trường xuất khẩu

chính đang chìm trong khủng hoảng, dẫn đến xuất khẩu giảm [4-5]. Với một nền kinh tế dựa vào xuất khẩu là chính như Việt Nam, đây là tổn thất rất đáng kể.

Việc điều hành yếu kém của chính phủ, ưu tiên chạy theo thành tích tăng trưởng GDP cao mà không chú ý đến chất lượng tăng trưởng, chế độ tín dụng dễ dãi trên một cơ cấu kinh tế bất hợp lý mà ở đó các Tập đoàn và Tổng công ty được ưu đãi quá mức [6], bất chấp hiệu quả kinh doanh, làm cho khủng hoảng càng trở nên trầm trọng vào Quý II năm 2008, mà điển hình là sự sụt giảm của thị trường chứng khoán và mức lạm phát tăng cao kỷ lục.

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu, ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu lên nền kinh tế Việt Nam là điều khó tránh khỏi. Nhưng điều đáng nói, là chính phủ đã không dự đoán được mức độ nguy hiểm của việc này, mà chỉ say sưa chạy theo những chỉ tiêu duy ý chí. Việc đặt mục tiêu tăng trưởng quá cao cho năm 2008 khi những dấu hiệu bất thường của nền kinh tế đã được giới chuyên gia cảnh báo trước đã nói lên điều này. Nếu xử lý kịp thời những bất thường nói trên và có chính sách kinh tế hợp lý, đặc biệt là từ bỏ tham vọng triển khai hệ thống Tập đoàn và Tổng công ty, tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến Việt Nam đã giảm rất nhiều.

Thiệt hại về mặt kinh tế của khủng hoảng năm 2008 là rất lớn. Nhưng nhờ nó, sự yếu kém của chính phủ và những dị thường của nền kinh tế cũng được chỉ rõ, đòi hỏi một sự cải thiện rõ rệt ở cả khâu định hướng, ra chính sách và điều hành của chính phủ. Nó cũng cho thấy, khi hội nhập vào kinh tế thế giới ngày càng sâu, sự ảnh hưởng từ bên ngoài vào kinh tế Việt Nam sẽ càng nhanh, cường độ càng lớn. Khủng hoảng kinh tế ở Mỹ hoặc châu Âu không còn là những tin tức xa vời, mà ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, mà nặng nề nhất là nông dân và công nhân nghèo và những doanh nghiệp tư nhân nhỏ do chính sách xiết chặt tín dụng cuối năm 2008. Vì thế, khủng hoảng “rớt trúng đầu mình” là cảm nhận rõ ràng trong năm 2008 với mọi người dân hơn bao giờ hết. Điều này tạo sức ép cho chính phủ phải điều hành nền kinh tế linh hoạt hơn, chính xác hơn và hiệu quả hơn. Những yếu kém trong việc ra sách lược, triển khai và điều hành của chính phủ phải được cải thiện ngay trong năm 2009 và trong ngắn hạn. Nếu không, sẽ tạo ra bất ổn cho xã hội ở qui mô lớn.

2. Điều hành của chính phủ

Điều hành yếu kém của chính phủ thể hiện rõ nhất ở việc đương đầu với khủng hoảng năm 2008. Khi chỉ số lạm phát tăng cao, chính phủ không tìm biện pháp ngăn chặn mà vẫn bao biện cho rằng “tốc độ tăng trưởng cao bao giờ cũng kèm theo chỉ số lạm phát tăng cao” [7], và quyết tâm đặt ra chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 8,5-9% trên cơ sở quyết tâm chính trị hơn là phân tích tình hình thực tế. Chính sách tăng trưởng nóng vội đã dẫn đến tình trạng nhập siêu, làm mất thăng bằng trạng thái kinh tế vĩ mô và thâm hụt cán cân thương mại nghiêm trọng. Sự yếu kém trong điều hành của chính

phủ còn thể hiện ở chỗ bị động, đổ lỗi cho các yếu tố bên ngoài như giá dầu mỏ và lương thực thế giới tăng cao mà không nhìn thấy nguyên nhân trực tiếp trong khâu điều hành và sai lầm của các chính sách kinh tế [8].

Nếu không có kết luận của Bộ chính trị [9], cụ thể hóa bằng chính sách thắt chặt tín dụng, chính phủ vẫn sẽ tiếp tục chạy theo tăng trưởng GDP bất chấp lạm phát cao, khủng hoảng kinh tế Việt Nam, và do đó là đời sống của người dân, chắc chắn còn trầm trọng hơn rất nhiều trong những tháng cuối năm 2008 và cả năm 2009.

Ngoài tư duy bao biện đổ lỗi cho bên ngoài, một phần nguyên nhân của việc điều hành kém là do áp đặt hành chính, thiếu tầm nhìn, điển hình như việc “tạm thời không xuất khẩu gạo” khi giá gạo thế giới tăng cao [10], dẫn đến tình trạng ứ đọng lương thực trong nước sau đó, dù đã được khuyến cáo của các chuyên gia [11].

Việc tăng gói kích cầu từ 1 tỉ [12] đến 6 tỉ đô la [13] trong khoảng thời gian mười ngày cũng nói nên tính chất đối phó tình thế chứ không dựa trên một chiến lược tổng thể trong việc đương đầu với khủng hoảng.

Thói quen điều hành bằng mệnh lệnh hành chính thay vì luật pháp, mà ví dụ cụ thể là việc thành lập và cấp vốn ồ ạt cho các Tập đoàn và Tổng công ty ngay khi chưa có khung pháp lý để kiểm soát hoạt động của chúng [14], đã làm cho khâu điều hành của chính phủ ngày càng trở nên ô m đ om và yếu kém.

Tư duy ô m đ om, chỉ đạo mọi việc cũng làm cho khâu điều hành kém sát sao, hiệu quả. Chưa kể bộ máy hành chính ngày càng phồng to, thủ tục hành chính ngày càng rắc rối, dẫn đến việc hình thành những nút cổ chai của phát triển.

Nếu không từ bỏ tư duy ô m đ om, tư duy đối phó, tư duy bao biện và đổ lỗi cho bên ngoài, tư duy điều hành bằng mệnh lệnh hành chính thay vì luật pháp, thì việc “Thủ tướng thừa nhận yếu kém trong điều hành” là điều tất yếu [15].

Thay đổi những kiểu tư duy kì cục này quả thực không quá khó và không tốn nhiều nguồn lực khi chính phủ thực sự muốn làm, và có quyết tâm chính trị để làm. Điều này là không thể tránh khỏi nếu muốn phát triển ổn định, nên nhất thiết phải được thực hiện và hoàn thành trong ngắn hạn.

3. Cải cách hành chính

Cải cách hành chính được nói đến nhiều trong khoảng ít nhất là mười năm trở lại đây. Về mặt bản chất, cải cách hành chính là dạng sơ khởi, và là lối thoát cho cải cách chính trị. Nhưng do tính chất nửa vời, thiếu chuyên nghiệp, thậm chí tham nhũng trong các dự án cải cách hành chính như dự án chính phủ điện tử, nỗ lực cải cách hành chính hầu như không mang lại kết quả gì đáng kể.

Tuy nhiên, do tính chất không thể trì hoãn của cái cách hành chính sao do đòi hỏi của nền kinh tế và các sinh hoạt xã hội, trong năm 2008, một số dự thảo cải cách hành chính ở mức độ sâu hơn đã được bàn đến. Cụ thể là thí điểm bỏ Hội đồng Nhân dân cấp huyện/quận [16], thí điểm bầu trực tiếp chủ tịch xã [17], thậm chí Đà Nẵng còn đề xuất dân bầu trực tiếp chủ tịch Thành phố [18]. Tuy nhiên, những cải cách hành chính này lại vấp phải một rào cản là chính hệ thống luật pháp hiện thời. Ví dụ, việc bầu trực tiếp chủ tịch xã, bỏ Hội đồng Nhân dân huyện/quận có thể bị coi là vi hiến [19].

Điều đó cho thấy, để cải cách hành chính thành công, hiến pháp và luật pháp phải đi trước mở đường. Nếu không sẽ chỉ rơi vào bẫy cải cách nửa vời, theo kiểu đối phó mà không đi đến kết quả thực sự.

Cải cách hành chính, không thể tách rời khỏi cải cách luật pháp. Xét cho cùng, cải cách hành chính phải được coi như một bộ phận của cải cách chính trị và đòi hỏi quyết tâm chính trị. Cải cách hành chính, vì thế, phải được đặt trong một thiết kế về cải cách kinh tế, chính trị và xã hội như một tổng thể. Nếu không, thất bại của những cải cách hành chính trong nhiều năm qua và trong thời gian tới là một điều có khó tránh khỏi. Sự thất bại của đề án chính phủ điện tử như một minh chứng cũng là điều có thể dự báo trước [20].

4. Chống tham nhũng

Chống tham nhũng đã được nêu lên từ nhiều chục năm nay, lặp đi lặp lại hàng ngày nhưng hầu như không mang lại kết quả nào đáng kể. Ngày 23/9/2008, Tổ chức minh bạch quốc tế xếp chỉ số “cảm nhận tham nhũng” của Việt Nam ở mức 121 trên tổng số 180 nước khảo sát [21]. Điều đó cho thấy, công cuộc chống tham nhũng ở Việt Nam trong một khoảng thời gian dài gần như thất bại hoàn toàn.

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn, tham nhũng không chỉ còn là “chuyện trong nhà” mà còn được quan tâm bởi các nước có quan hệ làm ăn với Việt Nam. Điển hình là vụ PCI bị báo chí Nhật phanh phui, gây bất bình trong dư luận Nhật Bản [22], dẫn đến việc tạm ngưng cấp vốn ODA [23]. Việc này không chỉ có tác động trực tiếp đến nền kinh tế, mà còn làm xấu hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Tham nhũng đã, đang, và tiếp tục được đánh giá là nguy cơ lớn phá hoại đất nước. Nhưng việc chống tham nhũng nhiều năm không đạt được kết quả, cho thấy sự yếu kém và quyết tâm nửa vời của chính phủ đối với một trong những vấn đề nóng bỏng, có tầm quan trọng sống còn của đất nước.

Nhìn trong một tổng thể thì thấy, chống tham nhũng không thể mang lại kết quả khi hệ thống luật pháp còn lỏng lẻo chưa hoàn thiện, cải cách hành chính chưa có kết quả và cải cách chính trị bị lãng tránh.

Để lấy lại niềm tin với xã hội và giới đầu tư nước ngoài, cũng như cải thiện hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế, cuộc chiến chống tham nhũng phải được đẩy mạnh hơn nữa, mang lại kết quả thực tế hơn nữa, ngay trước mắt và trong ngắn hạn, không lúc nào được lơ là. Nếu không, câu hỏi “Chống ai? Ai chống? Và chống như thế nào?” sẽ tiếp tục gõ vào đầu mỗi người và xé nát lương tâm toàn xã hội.

5. Qui hoạch đô thị

Qui hoạch đô thị luôn là vấn đề nổi cộm của Việt Nam. Nhìn chung, qui hoạch đô thị vẫn chưa ra khỏi tư duy qui hoạch áp đặt, nóng vội, thiếu thiết kế tổng thể. Điển hình của qui hoạch đô thị năm 2008 là việc sát nhập Hà Tây và Hà Nội [24].

Sự sát nhập này tạo ra một thủ đô vào bậc lớn nhất trên thế giới, kể cả qui mô dân số và diện tích. Nhưng lại được tiến hành quá mức vội vã. Ngày 6/3/2008, Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đề xuất việc sát nhập Hà Tây vào Hà Nội, thì ngày 1/8/2008, Hà Tây đã chính thức được sát nhập [24]. Thời gian đó là quá ngắn cho một qui hoạch đô thị lớn như vậy, dẫn đến việc sát nhập này được tiến hành dựa trên một ý chí chính trị hơn là một qui hoạch đô thị đúng nghĩa. Những hệ quả của việc sát nhập này, do không có thời gian chuẩn bị, cũng không được xét đến và có phương án xử lý, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến văn hóa, xã hội vùng miền [26].

Những yếu kém của việc qui hoạch đô thị còn thể hiện ở tình trạng ùn tắc giao thông liên tục và kéo dài, ngập úng do mưa, đào đường, đắp đường, chấn lộ cốt, v.v đã được báo chí phản ánh liên tục và miệt mài hàng ngày trong suốt nhiều năm [27-28]. Việc cấp phép xây khách sạn trong công viên [29], chặt phá cây xanh [30] cũng phản lại những qui hoạch đô thị hiện đại, và không thể giải thích bằng các lý thuyết qui hoạch đô thị. Rất có thể, lợi ích cục bộ của các nhóm thu được qua việc qui hoạch đô thị là động lực duy nhất để đẻ ra những qui hoạch kì cục như vậy.

Điềm qua như vậy dễ thấy, từ việc nhỏ như chặt cây, đào đường, đến việc lớn như sát nhập Hà Tây vào Hà Nội đều được tiến hành bởi cùng một kiểu tư duy: áp đặt, thích là làm, bất kể hậu quả, bất kể cơ sở khoa học của việc qui hoạch, thậm chí nhằm đáp ứng lợi ích cục bộ của một nhóm nào đó. Những điều này cần phải được khắc phục trong ngắn hạn và trung hạn, nếu không, Việt Nam sẽ chỉ có những đô thị manh mún, bị băm nát cả không gian đô thị lẫn không gian văn hóa, và những hậu quả nhãn tiền như ngập úng, tắc đường là không thể tránh khỏi.

6. Khai thác tài nguyên

Khai thác tài nguyên đang được tiến hành ồ ạt, vô tội vạ bất chấp hậu quả đã được giới chuyên gia cảnh báo, chạy theo lợi nhuận trước mắt mà không tính đến hiệu quả

lâu dài. Ví dụ nghịch lý sắp thiếu than nhưng vẫn đẩy mạnh xuất khẩu đã được báo chí lên tiếng gần đây [31].

Khai thác tài nguyên cũng thường được tiến hành phần nhiều dựa trên quyết tâm chính trị hoặc các chủ trương lớn mà không xét đầy đủ đến tất cả các khía cạnh liên quan đến hiệu quả kinh tế, văn hóa, môi trường, v.v của dự án [32-33], dẫn đến sự phản đối mạnh mẽ của dân chúng mà cụ thể là việc hàng nghìn người kí kiến nghị phản đối dự án khai thác bô-xit Tây Nguyên và gửi lên Quốc hội cũng như làn sóng thảo luận và phản biện rộng rãi về dự án này của cộng đồng trên mạng internet [34-35].

Ngoài ra, các dự án khai thác tài nguyên còn có xu hướng bị chi phối bởi lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ thay vì lợi ích của một qui hoạch quốc gia tổng thể. Tiêu biểu cho việc này là những tranh luận xung quanh việc khai thác cảng Vân Phong [36]. Rất may là sau khi được dư luận và giới chuyên gia dồn dập lên tiếng, việc cấp phép xây dựng nhà máy thép cho Posco, thay vì cảng trung chuyển quốc tế, đã bị hủy bỏ.

Qua đây thấy rõ, vai trò của thông tin đã bắt đầu mạnh lên, đặc biệt là thông tin liên quan đến các dự án khai thác tài nguyên vì chúng nhân danh sự thịnh vượng chung của quốc gia, dẫn đến việc hình thành các luồng thông tin dân sự và phản biện xã hội có hệ thống trên mạng internet. Điều này có một ý nghĩa sâu xa hơn bản thân sự việc mà những luồng thông tin này đề cập đến.

Thông tin dân sự tuy còn nghèo về chủ đề và chất lượng, lại chỉ lưu thông phần lớn trong môi trường ảo, nhưng đã tạo tâm lý làm quen cho xã hội. Vì thế, sự ra đời của thông tin dân sự có vai trò tập dượt cho sự ra đời của một hình thái cao hơn, thực hơn, là xã hội dân sự, một bước tiến tất yếu của vận động xã hội.

Nếu các dự án khai thác tài nguyên vẫn tiếp tục được tiến hành vội vã, chạy theo lợi nhuận trước mắt hoặc lợi ích cục bộ của một nhóm hoặc địa phương nào đó, thì không chỉ sự phát triển bền vững sẽ không bao giờ đạt được, mà nguy cơ tạo ra bất ổn xã hội do phản ứng của dư luận cũng là điều khó tránh khỏi.

7. Ô nhiễm môi trường

Ô nhiễm môi trường thực chất là một vấn đề cũ, tồn tại từ nhiều năm trước. Nhưng trong năm 2008, ô nhiễm môi trường trở thành vấn đề nóng, thu hút sự quan tâm của xã hội và báo giới khi công ty Vedan “bức tử” sông thị Vải bằng việc thải nước chưa xử lý ra sông, gây ô nhiễm nghiêm trọng và buộc phải bồi thường [37].

Sông Sài Gòn sau đó cũng bị phát hiện đang “chết theo sông Thị Vải” [38]. Trên thực tế, còn nhiều con sông nữa cũng đã, đang bị bức tử mà không được nhắc đến. Hiện tượng các con sông “chết” như sông Thị Vải thực chất chỉ là kết quả tất yếu của một chính sách kinh tế nóng vội chạy theo thành tích, coi thường tác hại của ô nhiễm môi trường.

Tư duy “phát triển trước, làm sạch sau” ở một số nước châu Á cũng ảnh hưởng đến việc ra chính sách môi trường, dẫn đến việc phát hiện các công ty gây ô nhiễm luôn chậm chễ so với thực tế, hoặc phát hiện thì làm ngơ không xử lý triệt để, mà điển hình là vụ công ty Vedan đầu độc sông Thị Vải trong suốt mười mấy năm liền.

Chính quyền, do quan liêu và không nhận thức đúng tác hại của ô nhiễm môi trường, và do nhiều lý do khác nữa, đã không nắm bắt đúng thực trạng ô nhiễm, hoặc lảng tránh việc nói đến thực trạng ô nhiễm. Điều này làm cho ô nhiễm ngày càng trở nên trầm trọng.

Ngoài ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí cũng ở trạng thái báo động. Nồng độ bụi ở các tại các khu dân cư vượt 1.5-3 lần chỉ tiêu cho phép, ở khu công trường xây dựng từ 10-20 lần [39]. Nồng độ bụi PM10 (bụi có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 10 micrometre, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ hô hấp) ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh gấp 2 lần của Bangkok và 4 lần mức an toàn nêu bởi Tổ chức Y tế Thế giới [40]. Tuy nhiên, ô nhiễm không khí, vì khó phát hiện bằng mắt thường, nên không được báo giới và dư luận nói chung chú ý một cách đúng mức.

Ô nhiễm ở các làng nghề cũng ở mức nguy hiểm không kém. Vì dân trí thấp, người dân chưa nhận thức sự nguy hiểm của ô nhiễm môi trường, nên không những không có ý thức ngăn chặn, mà lại thả lỏng cho ô nhiễm hoành hành. Ước tính có khoảng 2/3 số làng nghề bị ô nhiễm [41]. Tuy nhiên, do tính chất sản xuất tiểu thủ công nghiệp truyền thống, việc quản lý ô nhiễm làng nghề gặp rất nhiều khó khăn. Hậu quả là làm tổn hại sức khỏe và giảm tuổi thọ của người dân làng nghề lên đến 10 năm, mà hiện tại, vẫn chưa có giải pháp khắc phục [42].

Nguồn nước sinh hoạt, nước trong các ao hồ từ các thành phố lớn đến nông thôn cũng bị ô nhiễm ở rất nhiều nơi [43]. Chính do ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, ở nhiều vùng đã xuất hiện những “làng ung thư” [44]. Điều này giống lên hồi chuông cảnh báo cấp bách và đòi hỏi chính quyền phải có những biện pháp mạnh mẽ hơn nữa trong việc bảo vệ môi trường và chất lượng nguồn nước.

Đã đến lúc phải rà soát lại và điều chỉnh toàn bộ chính sách phát triển chạy theo thành tích bằng mọi giá, và thay bằng chính sách phát triển bền vững. Tư duy làm kinh tế và bảo vệ môi trường cần phải thay đổi. Nếu không, chi phí để khắc phục hậu quả mà ô nhiễm môi trường gây ra sẽ ngốn hết phần lợi ích do tăng trưởng kinh tế mang lại, mà sức khỏe của người dân vẫn không được đảm bảo.

8. Thiếu hụt năng lượng

Tình trạng thiếu hụt năng lượng thể hiện rõ nhất qua việc cắt điện liên tục và kéo dài trong nhiều năm [45]. Tuy nhiên, một kế hoạch tổng thể để khắc phục điều này vẫn chưa được bàn đến. Thay vào đó, “thiếu điện chỉ còn biết cắt điện” [46].

Do độc quyền kinh doanh năng lượng, tình trạng thiếu điện sẽ còn tiếp tục kéo dài. Tự duy chạy theo lợi nhuận cục bộ trước mắt, sẽ đẩy tình trạng thiếu điện thêm trầm trọng [47]. Cụ thể: thay vì đầu tư nâng cao sản lượng điện, Tập đoàn điện lực lại đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng, khách sạn [48].

Các nguồn năng lượng thay thế cũng không hề được chú ý, thậm chí than – nguồn năng lượng quan trọng bậc nhất- còn bị xuất khẩu bừa bãi bất chấp cảnh báo thiếu hụt than cho các nhà máy nhiệt điện trong những năm sắp tới [49].

Để khắc phục tình trạng thiếu hụt năng lượng, thị trường điện nói riêng và năng lượng nói chung, cần phải được mở cửa và phá thế độc quyền. Một kế hoạch tổng thể về an toàn năng lượng quốc gia cần được đưa ra thảo luận và lấy ý kiến rộng rãi của giới chuyên gia. Các nguồn năng lượng thay thế như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh học, v.v cũng cần được đầu tư nghiên cứu và khai thác.

Nhu cầu năng lượng của Việt Nam sẽ ngày càng tăng trong những năm tới, khi mục tiêu thành nước công nghiệp vào năm 2020 ngày càng đến gần. Nếu không khắc phục được tình trạng thiếu hụt năng lượng, sinh hoạt của người dân, sản xuất của doanh nghiệp và vận hành của toàn xã hội sẽ bị rối loạn. Mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 vì thế, sẽ chỉ là viễn cảnh xa vời.

9. Cải cách giáo dục

Cải cách giáo dục là câu chuyện dài hàng chục năm của Việt Nam. Trong năm 2008, cải cách giáo dục tiếp tục được chính phủ, cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh, từ bậc thấp nhất là giáo dục mầm non đến bậc cao nhất là đào tạo tiến sĩ, thể hiện qua một loạt văn bản và chỉ tiêu giáo dục như Dự thảo chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi [50], Đề án đào tạo 20000 nghìn tiến sĩ trong 12 năm [51], Dự thảo chiến lược giáo dục 2009-2020, v.v [52]. Tuy nhiên, những dự thảo, đề án này đều vấp phải sự phản ứng gay gắt của giới chuyên môn vì chúng chỉ là sự nới dài của những bản kế hoạch cũ đã thất bại [53], hoặc thiếu tính khoa học [54], hoặc không xét đến các điều kiện thực tế để, nên các con số, chỉ tiêu chỉ là những kì vọng không tưởng.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang sống trên mây. Giáo dục luôn là chủ đề nóng của Việt Nam hàng chục năm nay cũng là vì thế.

Sang năm 2009, những cố gắng cải cách tiếp tục được đẩy thêm một bước nữa, như việc đổi mới cơ chế tài chính giáo dục, một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa, kế hoạch xây dựng bốn trường Đại học “đẳng cấp quốc tế”. Tuy nhiên, những cố gắng này không hẳn đều dựa trên cơ sở khoa học, ví dụ như việc thu học phí theo thu nhập hộ gia đình là không khả thi và có nguy cơ chặn đường đến trường của nhiều học sinh nghèo [55]. Còn việc phấn đấu đến năm 2020 có một trường Đại học đạt Top200 của

thế giới, dù được nói đến nhiều bởi lãnh đạo Bộ Giáo dục, nhưng theo một số chuyên gia, cũng chỉ là “nhiệm vụ bất khả thi” [56].

Những điều này cho thấy, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phải thực tế hơn nữa trong việc đặt ra các chỉ tiêu cho ngành giáo dục. Các kế hoạch, dự thảo, chiến lược phát triển ngành cần phải được xây dựng trên cơ sở khoa học, thực tế, theo một thiết kế tổng thể chứ không thể chỉ là những điều chỉnh manh mún được xây dựng bởi một tư duy áp đặt, quan liêu và duy ý chí kiểu kế hoạch hóa thời bao cấp.

Cải cách giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết và quan trọng bậc nhất đảm bảo cho sự phát triển thành công của Việt Nam. Nếu cải cách giáo dục tiếp tục thất bại như hiện thời, Việt Nam sẽ thất bại toàn diện trong cả ngắn hạn lẫn dài hạn. Đất nước sẽ chìm mãi trong nghèo hèn lạc hậu mà không có cách nào thoát ra được.

Tư duy không thể bao cấp. Tư duy càng không thể kế hoạch hóa. Mọi cải cách đi ngược lại tinh thần này chắc chắn sẽ dẫn đến thất bại. Đất nước khi đó không chỉ mất nguồn lực phát triển, mà nguy hiểm hơn, là mất thời gian có khi đến hàng chục năm cho những kế hoạch và chỉ chiêu không tưởng ở trên trời.

10. Tranh chấp Biển Đông



Đường gạch nổi màu đỏ là ranh giới lưới bò mà Trung Quốc tuyên bố thuộc chủ quyền của mình. Đường gạch nổi màu xanh là vùng đặc quyền kinh tế của các nước theo công ước Luật biển Liên hợp Quốc 1982. Bản đồ và ghi chú lấy từ TuanVietNam.net.

Tranh chấp biển Đông ngày càng trở thành mối lo lớn cho cả người dân và chính phủ Việt Nam. Ngoài những đụng độ quân sự trong quá khứ như các trận hải chiến năm 1974 và 1988 [57], thời gian gần đây, Trung Quốc bắt đầu tấn công và bắt giữ ngư dân [58]. Hành động bắn chết ngư dân, bắt ngư dân làm con tin rồi đòi tiền chuộc, ủi chìm tàu, đơn phương ra lệnh cấm đánh cá trong vùng biển đang tranh chấp thể hiện hành động ngang ngược và ngày càng gia tăng của Trung Quốc đối với Việt Nam.

Song song với các hoạt động trên biển, Trung Quốc đồng thời tăng cường sức ép lên Việt Nam ở tất cả các lĩnh vực liên quan đến tranh chấp biển Đông như truyền thông, ngoại giao, thỏa hiệp lợi ích với các nước khác trong khu vực đang có tranh chấp với Việt Nam như Philippines, Malaysia nhằm cô lập Việt Nam, nước mà dư luận Trung Quốc cho rằng có khả năng chống đối đáng kể nhất với kế hoạch chiếm biển đảo (thu hồi lãnh thổ thần thánh theo cách nói của người Trung Quốc) của chính quyền Trung Quốc.

Các chuyển động của Trung Quốc, như việc tăng cường Hải quân và tàu tuần tra, xây dựng căn cứ tàu ngầm hạt nhân ở Hải Nam, thành lập thành phố hành chính Tam Sa, gửi công hàm cho Tổng Thư kí Liên hiệp quốc trong vòng 24 giờ sau khi Việt Nam và Malaysia trình hồ sơ chung về thêm lục địa mở rộng của mình lên Ủy ban ranh giới thêm lục địa của Liên Hợp Quốc [59], cho thấy quyết tâm và dã tâm của Trung Quốc trong vấn đề này.

Về mặt hình thức, việc tranh chấp của Đông của Trung Quốc đối với Việt Nam và các nước trong khu vực có khái quát bằng việc đòi hỏi chủ quyền biển và đảo trong “đường lưỡi bò”, chiếm khoảng 75% diện tích biển Đông và toàn bộ các quần đảo bên trong đường này như Hoàng Sa, Trung Sa, Trường Sa. Tuy nhiên, nội dung thực sự của việc tăng cường tranh chấp của Trung Quốc sâu sa hơn thế.

Sự bành trướng của Trung Quốc trên biển Đông chỉ là một phần của một kế hoạch bành trướng tổng thể, bao gồm “bành trướng cứng” như bành trướng trên biển, trên đất liền và “bành trướng mềm” như tăng cường sự hiện diện ở tất cả các nơi có tiềm năng lợi ích về tài nguyên, dầu mỏ, địa chính trị, v.v. cho Trung Quốc.

Đối với Việt Nam, sự tăng cường tranh chấp ở biển Đông còn phải đặt trong bối cảnh người Trung Quốc tăng cường sự có mặt ở Campuchia và Lào, và đặc biệt, ngay trên lãnh thổ Việt Nam ở những nơi trọng yếu về chiến lược như Tây Nguyên.

Sự hiện diện của Trung Quốc ở khắp mọi nơi, cả ngoài biển lẫn trên đất liền, tạo sức ép không chỉ về mặt quân sự, kinh tế, mà còn về tâm lý cho người dân Việt Nam, nhất là khi những ám ảnh lịch sử vẫn chưa hề phai nhòa trong quá khứ nghìn năm giữ nước và gần nhất là cuộc chiến biên giới năm 1979. Trên biển, ngư dân không dám ra khơi hoặc ra khơi thì bị bắt giữ. Trên đất liền, sự xuất hiện của hàng chục nghìn người lao

động Trung Quốc trong bối cảnh thất nghiệp đang hoành hành càng làm tăng thêm quan ngại.

Sự tăng cường tranh chấp cũng cần tính đến bối cảnh nội bộ của Trung Quốc, khi họ có thể dùng chiến thắng trong tranh chấp biển Đông như một khẳng định cho sức mạnh của chính quyền và hướng dư luận trong nước ra khỏi những vấn đề nhạy cảm của họ như bạo động Tân Cương, Tây Tạng [60-61]. Nguy hiểm hơn, điều này lại được cộng hưởng với chủ nghĩa dân tộc Đại Hán của Trung Quốc và các học thuyết mới về sự trỗi dậy của Trung Quốc như mở rộng biên giới quyền lợi quốc gia, chia đôi Thái Bình Dương với Mỹ [62].

Ngoài những lợi ích hiển nhiên về tài nguyên trong biển Đông như dầu mỏ, khí đốt và giao thông hàng hải, Trung Quốc còn có thể coi việc tăng cường tranh chấp, và tranh chấp thắng, ở biển Đông như một cách thể hiện sức mạnh của một siêu cường mới nổi đối với các nước trong khu vực và trên trường quốc tế, đồng thời tạo hàng rào bảo vệ Đại lục và cô lập Đài Loan.

Tuyên bố về “đường lưỡi bò” là ngang ngược, nhưng lại được cả chính quyền, dân chúng và giới học giả Trung Quốc ủng hộ, biện minh và quyết không từ bỏ [63]. Việc phản đối ngay lập tức hồ sơ của Việt Nam và Malaysia chứng tỏ Trung Quốc không sẵn sàng dùng Luật Quốc tế để giải quyết chuyện tranh chấp biển Đông. Điều này cũng đã được tiên đoán bởi nhiều chuyên gia, ví dụ ông Lý Quang Diệu [64]. Họ cũng tiên đoán, chiến tranh cũng có thể nổ ra như một hệ quả của đấu tranh chính trị [63]. Điều đó cho thấy, trừ phi có sức ép quân sự hoặc sức ép quốc tế đủ mạnh, Trung quốc sẽ đơn phương tăng cường tranh chấp bất kể sự phản đối của Việt Nam và các nước khác, thậm chí sẵn sàng tiến hành một cuộc chiến để giành thắng lợi trong tranh chấp.

Trong bối cảnh đó, một sự cân bằng quyền lực tại biển Đông là cần thiết. Việt Nam nên quốc tế hóa tranh chấp biển Đông và tranh thủ sự ủng hộ của các nước có lợi ích trực tiếp tại biển Đông như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, đồng thời kết hợp với các nước Đông Nam Á khác trong cuộc chiến bảo vệ quyền lợi hợp pháp ở biển Đông theo luật biển quốc tế.

Cũng cần định hình lại chiến lược xử lý tranh chấp, ví dụ theo cách khu biệt hóa từng vấn đề theo hướng dễ làm trước, khó làm sau như: tách việc tranh chấp biển, đảo, Hoàng Sa và Trường Sa thành những vấn đề riêng biệt. Đồng thời, tăng cường đàm phán với các nước trong khu vực trên cơ sở lợi ích chung để thiết lập sự tin tưởng, tạo thế trận “quần ngư đả hổ” trong cuộc chiến bảo vệ lợi ích chung với Trung Quốc. Việc xin tư vấn của tòa quốc tế về xử lý tranh chấp và các vấn đề liên quan cũng sẽ tạo thêm áp lực công lý lên đàm phán với Trung Quốc.

Biển Đông ngày nay không chỉ là chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, mà còn là không gian sinh tồn cho dòng giống Lạc Hồng. Để mất biển Đông, không chỉ có tội

với tiền nhân, mà còn đánh mất không gian sinh tồn của con cháu. Vì thế, giải quyết tranh chấp biển Đông đang và sẽ là bài toán lớn mà Việt Nam cần phải giải, cả trong ngắn, trung và dài hạn. Với tương quan lực lượng hiện thời và sự bành trướng mạnh mẽ của Trung Quốc, việc giải bài toán này cần được tiến hành sớm được ngày nào hay ngày đó.

III. Thay lời kết

Năm 2008 là một năm khó khăn đối với Việt Nam, khi phải cùng lúc đương đầu với khủng hoảng kinh tế và những tổn tại, yếu kém của nhiều năm trước trong toàn bộ hệ thống dồn lại, nay bùng phát trong điều kiện kinh tế khó khăn. Nội các mới sau thành công tăng trưởng GDP năm 2007 tuy được kì vọng nhiều, nhưng đã lúng túng trong việc xử lý những vấn đề đó, thể hiện rõ nhất là sự bị động, lúng túng trong điều hành và sai lầm trong chính sách kinh tế. Cùng với đà hồi phục của kinh tế toàn cầu, khủng hoảng kinh tế Việt Nam sẽ sớm được khắc phục. Nhưng các vấn đề nổi cộm của Việt Nam, được điểm qua dưới hình thức mười bài toán lớn trong năm 2008, vẫn còn đó. Việc giải các bài toán này trong cả ngắn hạn, trung hạn lẫn dài hạn như thế nào sẽ quyết định mức độ thành công của Việt Nam trên con đường phát triển trong thời gian tới.

Nhìn bề ngoài, mười bài toán này có vẻ tương đối độc lập, nhưng thực chất giữa chúng có mối liên hệ sâu xa chặt chẽ. Cụ thể: bài toán điều hành của chính phủ không thể tách rời cải cách hành chính và chống tham nhũng; bài toán qui hoạch đô thị không thể tách rời khai thác tài nguyên và ô nhiễm môi trường; chống khủng hoảng kinh tế không thể không xét đến qui hoạch năng lượng và phát triển bền vững; cải cách giáo dục có mặt ở tất cả các khâu vì quyết định chất lượng nguồn nhân lực; tranh chấp biển Đông là mối quan tâm hàng ngày của người dân Việt Nam cả trong và ngoài nước. Vì thế, những phân tích ở trên, dù còn hết sức sơ bộ, cũng có thể được sử dụng làm cơ sở để xác định lại những ưu tiên chiến lược, cả trong điều hành, ra chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ, với mục tiêu khôi phục niềm tin của xã hội và đưa Việt Nam phát triển bền vững, ổn định về tất cả các mặt, không chỉ kinh tế, mà còn là môi trường, văn hóa, giáo dục và toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ.

Các ưu tiên chiến lược trong thời gian tới có thể chia làm năm nhóm như sau:

Nhóm ưu tiên thứ nhất: Điều hành của chính phủ cần phải thay đổi. Thay vì bao biện, đổ lỗi cho bên ngoài, cần phải cải thiện năng lực điều hành và khả năng dự báo của chính mình. Muốn vậy, việc lắng nghe ý kiến của giới chuyên gia. Cần phải nhìn vào thực tế, nhìn vào cơ sở khoa học và hiệu quả kinh tế của các chủ trương chính sách thay vì mệnh lệnh hành chính và quyết tâm chính trị. Quan trọng không kém, là cần tạo lập một cơ chế phản ứng nhanh, khoa học, phán đoán hiệu quả thay vì bị động, duy ý chí và chạy theo biến động của bên ngoài.

Nhóm ưu tiên thứ hai: Điều chỉnh và hoàn thiện các “nền tảng mềm”, nhưng lại là cản trở lớn cho công cuộc phát triển, như hành lang pháp lý, thủ tục hành chính, tư duy điều hành của chính phủ, v.v. Việc cải tạo, bổ sung và hoàn thiện các “nền tảng mềm” này cần phải tiến hành ngay lập tức và hoàn thiện tương đối ở trong ngắn hạn. Nguồn lực để thực hiện việc này cũng không lớn, nếu không muốn nói là rất nhỏ so với tổng nguồn lực quốc gia, nên việc tiến hành hoàn toàn khả thi.

Tiếp theo, những “rào cản mềm” như cơ chế bất cập, thủ tục hành chính rườm rà kém hiệu quả, tham nhũng tràn lan, lợi ích cục bộ, địa phương, cần phải được từng bước loại bỏ. Việc loại bỏ các “rào cản mềm” này phải được tiến hành song song với việc hoàn thiện các “nền tảng mềm”. Nếu không, các “rào cản mềm” không chỉ là nút cổ chai ngăn cản phát triển, mà còn phá hoại thành tích phát triển, thông qua việc làm méo mó thị trường và phân phối nguồn lực, suy giảm lòng tin của xã hội. Những việc này cần phải tiến hành ngay lập tức hoàn thiện tương đối ở trong ngắn hạn. Nếu không, sẽ không thể có bứt phá để đạt phát triển cất cánh.

Nhóm ưu tiên thứ ba: Điều chỉnh chính sách kinh tế, năng lượng, tài nguyên, môi trường và qui hoạch đô thị theo hướng phát triển bền vững. Về kinh tế, cần phải giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động của hệ thống ngân hàng, các Tập đoàn và Tổng công ty trực thuộc nhà nước. Không thành lập thêm các Tập đoàn kinh tế nặng nề. Mạnh dạn giải thể những đơn vị làm ăn kém hiệu quả. Đối xử bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Lấy hiệu quả kinh tế và đóng góp cụ thể cho xã hội, như số lượng việc làm tạo ra, tỷ suất lợi nhuận trên đầu tư, số tiền thuế đóng góp cho nhà nước làm cơ sở đánh giá và đầu tư tín dụng, đất đai. Chính sách kinh tế chạy theo thành tích tăng trưởng cao bằng mọi giá cần phải thay bằng chính sách phát triển bền vững, trong đó, vấn đề ô nhiễm môi trường cần được cân nhắc cẩn thận, khoa học.

Chính sách năng lượng cần được qui hoạch trong dài hạn để đảm bảo an toàn năng lượng quốc gia. Phá thế độc quyền năng lượng. Các nguồn năng lượng thay thế cần được đầu tư nghiên cứu và phát triển.

Khai thác tài nguyên, qui hoạch đô thị cần phải tính đến lợi ích tổng thể và dài hạn, không thể chạy theo lợi ích trước mắt, cục bộ, địa phương hoặc lợi ích nhóm. Tài nguyên là thứ có giới hạn, nên phải khai thác sao cho hiệu quả nhất. Khai thác tài nguyên cần phải đi đôi với bồi đắp tài nguyên, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi và ô nhiễm môi trường do việc khai thác tài nguyên mang lại. Tương tự, qui hoạch đô thị cần dựa trên cơ sở khoa học và tầm nhìn dài hạn, thay vì áp đặt hành chính. Những hệ quả về văn hóa xã hội và môi trường của qui hoạch đô thị cũng cần được xét đến.

Nhóm ưu tiên thứ tư: Đổi mới giáo dục và khoa học công nghệ. Cải cách giáo dục cần phải được điều chỉnh lại và hoàn thành càng sớm càng tốt. Tư duy cải cách giáo dục cần phải đổi mới. Những cải tiến mạnh mẽ và chỉ tiêu giáo dục không tương cần phải

loại bỏ. Thay vào đó là một bản thiết kế tổng thể, khoa học, được đồng thuận của giới chuyên gia và xã hội. Đầu tư cho giáo dục và khoa học công nghệ phải được coi là đầu tư cho hạ tầng quốc gia, không tính đến việc thu lợi nhuận trước mắt. Tự do học thuật cần được đảm bảo và khuyến khích.

Thất bại trong cải cách giáo dục và khoa học, công nghệ sẽ là thất bại toàn diện, triệt để nhất. Vì thế, các chính sách về giáo dục và khoa học, công nghệ cần chú trọng đặc biệt.

Nhóm ưu tiên thứ năm: Chủ quyền biển đảo và toàn vẹn lãnh thổ. Đây là vấn đề nhạy cảm, thu hút sự chú ý của toàn dân, nên cần có chiến lược rõ ràng, dứt khoát, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết. Nổi cộm nhất là tranh chấp biển Đông. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng tăng cường tranh chấp bằng tất cả các phương tiện và trên mọi phương diện, một chính sách đối ngoại khôn ngoan, dựa trên cân bằng sức mạnh, hợp tác khu vực và công lý quốc tế là cần thiết hơn bao giờ hết. Thông tin về diễn biến của tranh chấp cũng cần được báo chí đưa tin rộng rãi, không chỉ vì đây là một phần của đời sống người dân mà còn để tạo ra một cân bằng ngay từ trong nước trước những áp lực ngày càng tăng của bên ngoài, mà cụ thể nhất là Trung Quốc.

Năm nhóm ưu tiên nêu trên cần được tiến hành đồng thời vì chúng có quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại quyết định đến sự thành bại của nhau. Một chính sách xử lý khôn khéo, để làm trước khó làm sau, điều chỉnh liên tục và linh hoạt như việc điều khiển bánh lái sẽ không chỉ khôi phục lại niềm tin của xã hội, bảo vệ được chủ quyền của đất nước mà còn đảm bảo cho con tàu Việt Nam khi tiến ra biển lớn sẽ tránh được đá ngầm, vượt qua gió bão để cập bến phát triển và thịnh vượng.

Chú thích:

1. Trần Quốc Hùng, báo cáo tại Hội thảo hè tại Nha Trang, 2008, có thể xem tại:

http://www.viet-studies.info/hoithao/2008_TranQuocHung.pdf

2. Vnexpress.net, ngày 22/12/2008, có thể xem tại: <http://www.vnexpress.net/GL/Xahoi/2008/12/3BA09AF4/>

3. VietNamnet, ngày 4/6/2008, có thể xem tại:

<http://vietnamnet.vn/xahoi/2008/06/786659/>

4. Chuyên đề: Giá xăng dầu, báo Lao Động, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/EventList.aspx?EventID=24&Page=8>

5. VietNamNet, ngày 1/11/2008, có thể xem tại:

<http://www.vietnamnet.vn/kinhte/2008/11/811396/>

6. Vũ Quang Việt, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 31/8/2008, có thể xem tại:

<http://www.thesaigontimes.vn/Home/thoisu/sukien/9208/>

7. VietNamNet, ngày 12/11/2007, có thể xem tại:

<http://vietnamnet.vn/chinhtri/2007/11/754394/>

8. VietNamNet, ngày 30/11/2007, có thể xem tại:

<http://vietnamnet.vn/xahoi/2007/11/757597/>

9. Sài gòn giải phóng, ngày 5/4/2008, có thể xem tại:

<http://www.sggp.org.vn/kinhte/2008/4/148112/>

10. VTC News, ngày 29/4/2008, có thể xem tại: <http://vietbao.vn/Kinh-te/Viet-Nam-tam-thoi-khong-xuat-khau-gao/75180767/88/> (không truy cập lại được trên VTC News).

11. VietNamNet, ngày 22/4/2008, có thể xem tại:

<http://vietnamnet.vn/kinhte/2003/04/376987/>

12. Lao Động, ngày 4/12/2008, có thể xem tại: <http://www.laodong.com.vn/Home/1-ti-USD-cho-kich-cau-Se-chon-mat-gui-vang/200812/117381.laodong>

13. Lao Động, ngày 15/12/2008, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/Home/Kich-cau-vao-dau/200812/120191.laodong>

14. Lê Đăng Doanh, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 21/8/2008, có thể xem tại:

[http://www.thesaigontimes.vn/epaper/TB-KTSG/So35-2008\(923\)/19288/](http://www.thesaigontimes.vn/epaper/TB-KTSG/So35-2008(923)/19288/)

15. Thời báo kinh tế Sài Gòn, ngày 6/5/2008, có thể xem tại:

<http://www.thesaigontimes.vn/Home/thoisu/sukien/5432/>

16. Sài gòn giải phóng, ngày 8/9/2008, có thể xem tại:

<http://www.sggp.org.vn/caicachhanhchinh/2008/9/164561/>

17. Lao Động, ngày 20/6/2008, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/Home/Dan-se-duoc-bau-truc-tiep-chu-tich-UBND-xa/20086/93983.laodong>

18. Tuổi trẻ, 25/11/2008, có thể xem tại:

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=289542&ChannelID=3>

19. Tạp chí Cộng sản, số 19 (163), 2008, có thể xem tại:

http://www.tapchiconsan.org.vn/details.asp?Object=14331554&news_ID=101059356

20. Lao Động, 17/7/2009, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/Home/Chinh-phu-dien-tu-Khong-the-la-cac-website-rong/20097/147491.laodong>

21. VietNamNet, 23/9/2009, có thể xem tại:

<http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/09/805192/>

22. Chuyên đề: Vụ cáo giác đưa hối lộ của PCI, BBCVietnamese, có thể xem tại:

http://www.bbc.co.uk/vietnamese/indepth/cluster/2008/12/081205_pci.shtml

23. Lao Động, ngày 4/12/2008, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/Home/Nhat-Ban-ngung-cac-du-an-ODA-uu-dai-cho-VN/200812/117411.laodong>

24. VietNamNet, ngày 7/3/2008, có thể xem tại:

<http://www.vietnamnet.vn/chinhtri/2008/03/772204/>

25. Lao Động, ngày 30/5/2008, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/Home/Dia-gioi-thu-do-chinh-thuc-mo-rong-tu-182008/20085/90785.laodong>

26. TuanVietNam, ngày 1/8/2009, có thể xem tại:

<http://tuanvietnam.net/vn/thongtindachieu/7619/index.aspx>

27. Lao Động, ngày 4/7/2009, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/Home/Tac-duong-tram-trong/20097/145696.laodong>

28. Tuổi trẻ, 26/5/2009, có thể xem tại:

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=318080&ChannelID=3>

29. Thanh niên, 12/2/2009, có thể xem tại:

<http://www.thanhvien.com.vn/News/Pages/200907/20090212001904.aspx>

30. VietNamNet, ngày 8/7/2009, có thể xem tại:

<http://www.vietnamnet.vn/xahoi/2009/07/857045/>

31. Vittinfo, ngày 12/8/2009, có thể xem tại:

<http://vitinfo.com.vn/Muctin/kinhtexahoi/LA64495/default.htm>

32. Nguyễn Thành Sơn, Báo cáo V/v làm rõ một số ý kiến tại cuộc Tọa đàm về bauxite ngày 20/2/2009 , có thể xem tại:

http://www.viet-studies.info/kinhte/Boxit_BaoCaoToaDam.pdf

33. Đại dự án bô-xít Tây Nguyên và ý kiến nhiều chiều, VietNamNet, có thể xem tại:

<http://www.vietnamnet.vn/xahoi/event/11461/>

34. Tìm trên google ngày 16/8/09 cụm từ “bô xít Tây Nguyên” cho kết quả 36700 trang, “bauxite Tây Nguyên” cho kết quả tương tự, 36000 trang.

35. Thông tin, trao đổi về vấn đề bauxite ở Việt Nam, Tiếng nói phản biện nhiều mặt của người trí thức, GS Nguyễn Huệ Chi, Nhà văn Phạm Toàn và GSTS Nguyễn Thế Hùng khởi xướng, xem tại: <http://bauxitevietnam.info/>

36. Tuổi trẻ, 8/3/2008, có thể xem tại:

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=246294&ChannelID=3>

37. Chuyên đề : Vedan "bức tử" sông Thị Vải, báo Lao Động, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/EventList.aspx?EventID=304>

38. Sài gòn tiếp thị, ngày 4/11/2008.

39. Hoàng Dương Tùng, Tổng quan về hiện trạng ô nhiễm không khí Việt Nam, 5/2004, có thể xem tại:

http://www.nea.gov.vn/Sukien_Noibat/Chatluong_KK/hoinghi-hoithao/Presentations%20ENGLISH/Hoang%20Duong%20Tung-%20Day%201.pdf

40. The New York Time, ngày 6/7/2007, có thể xem tại:

<http://www.nytimes.com/2007/07/06/world/asia/06iht-pollute.1.6529573.html>

41. Ô nhiễm làng nghề, nông thôn, Trang web của Tổng cục Môi trường, xem tại:

http://www.nea.gov.vn/html/O_nhiem/Nongthon_Langnghe.htm

42. Lao Động, 22/4/2009, có thể xem tại:

<http://www.laodong.com.vn/Home/Tuoi-tho-cua-nguoi-dan-giam-10-nam/20094/135380.laodong>

43. VietNamNet, ngày 15/4/2008, có thể xem tại:

<http://vietnamnet.vn/xahoi/2008/04/778445/>

44. Tia sáng, 25/12/2008, có thể xem tại:

<http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=2590&CategoryID=8>

45. Tuổi trẻ, ngày 7/3/2007, có thể xem tại:

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=190042&ChannelID=11>

46. VietNamNet, ngày 8/3/2007, có thể xem tại:

<http://www.vietnamnet.vn/kinhte/kinhdoanh/2007/03/670562/>

47. VietNamnet, ngày 21/3/2008, có thể xem tại:

<http://tuanvietnam.net/vn/sukiennonghomnay/3247/index.aspx>

48. Tuổi trẻ, ngày 30/4/2008, có thể xem tại:

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=255216&ChannelID=3>

49. Sài Gòn tiếp thị, ngày 11/8/2009, có thể xem tại:

<http://www.sgtt.com.vn/Detail5.aspx?ColumnId=5&newsid=55346&fld=HTMG/2009/0809/55346>

50. Thông tư ban hành Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thể xem tại: <http://www.laodong.com.vn/tailieu/du.pdf>

51. Tuổi trẻ, ngày 26/5/2008, có thể xem tại:

<http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ChannelID=13&ArticleID=259661>

52. Dự thảo chiến lược giáo dục 2009-2020, có thể xem tại:

<http://www.vietnamnet.vn/giaoduc/2008/12/819335/>

53. Tia sáng, ngày 02/01/2009, có thể xem tại:

<http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=76&CategoryID=3&News=2613>

54. Tiền phong, ngày 03-06/04/2009, có thể xem tại:

<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=157064&ChannelID=71>

<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=157215&ChannelID=71>

<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=157275&ChannelID=71>

<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=157330&ChannelID=71>

55. Tiền phong, ngày 17/05/2009, có thể xem tại:

<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=161047&ChannelID=71>

56. VietNamNet, ngày 14/11/2008, có thể xem tại:

<http://vietnamnet.vn/giaoduc/2008/11/813501/>

57. Tuổi trẻ, ngày 6/12/2007, có thể xem tại:

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=232776&ChannelID=330>

58. Về việc tàu Trung Quốc tấn công ngư dân Việt Nam, ngày 16/1/2005, Bộ Ngoại Giao, có thể xem tại:

<http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns050117170913>

59. BBCVietnamese, ngày 8/5/2009, có thể xem tại:

http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2009/05/090508_china_viet_registration.shtml

60. Tuổi trẻ, ngày 7/7/2009, có thể xem tại:

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=325383&ChannelID=2>

61. Sài gòn giải phóng, ngày 15/3/2009, có thể xem tại:

<http://www.sggp.org.vn/thegioi/2008/3/146046/>

62. Far Eastern Economic Review, ngày 1/5/2009, có thể xem tại:

<http://feer.com/essays/2009/may/beijing-learns-to-be-a-superpower>

63. Peter Kien-Hong Yu, *Contemporary Southeast Asia*, Bộ 25, Số 3 (2003), tr. 405-30, bản dịch tiếng Việt có thể xem tại:

http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai15/200915_PeterYu.htm

64. Xem Security Implications of Conflict in the South China Sea: Exploring Potential Triggers of Conflict (Hawaii: Pacific Forum CSIS, tháng 3 1998), trang V. Cũng xem Bernard H. Oxman, “Political, Strategic, and Historical Considerations”, *International Maritime Boundaries*, trang 5-40, đặc biệt là các trang 30-34.
